

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦU NGANG
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2024/HNGĐ-ST

Ngày 25/12/2024

*“V/v tranh chấp ly hôn giữa chị
Đô L và anh L1”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Bà Lê Thị Tranh.

Các Hội Thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Trung Hòa

- Ông Kim Na Rinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Diệp Thị Vân Khoa, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Lý Phước Bền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 12 năm 2024, tại Toà án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 19/2024/TLST-HNGĐ, ngày 06 tháng 9 năm 2024 về việc: “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2024/QĐST-HN, ngày 13/11/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2024/QĐST-HN, ngày 29/11/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Thạch Thị Đô L, sinh năm 2001;

Địa chỉ: Ấp B, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Có mặt

Bị đơn: Anh Phạm Văn Vũ L1, sinh năm 1999;

Địa chỉ: Ấp B, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các bản khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Thạch Thị Đô L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Năm 2023 chị và anh Phạm Văn Vũ L1 quen nhau và tiến tới hôn nhân có đăng ký kết hôn theo quy định, thời gian chung sống chị và anh L1 không có con chung, nguyên nhân mâu thuẫn khi cưới xong anh chị sống trên Bình Dương do anh L1 không đi làm mà ở nhà trợ tỵ tập bạn bè uống rượu dẫn đến

kinh tế khó khăn vợ chồng thường xuyên cãi nhau cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc chị Đô L bỏ về Trà Vinh sinh sống từ tháng 7 năm 2024 cho đến nay bỏ mặt nhau mạnh ai nấy sống, tình cảm giữa vợ chồng cũng không còn. Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Văn Vũ L1.

Về con chung: Chị Đô L và anh L1 không có con chung, chị Đô L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị Đô L không tranh chấp, không khởi kiện, không đặt ra yêu cầu giải quyết.

Về số nợ phải thu, phải trả: Chị Đô L không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh Phạm Văn Vũ L1 vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên không có lời trình bày.

Lời phát biểu của Kiểm sát viên:

- *Về việc tuân theo pháp luật:* Về thủ tục thụ lý hồ sơ vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định người tham gia tố tụng, thành phần tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm đều đúng quy định pháp luật. Về chấp hành pháp luật của đương sự chị Đô L chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, riêng anh L1 không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các văn bản tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện cho đến khi ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa đều tổng đạt, niêm yết đầy đủ cho các đương. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tiến hành đầy đủ trình tự thủ tục đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của Đô L, xử cho chị Đô L và anh L1 được ly hôn với nhau, về con chung chị Đô L và anh L1 không có con chung không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét. Về tài sản chung và về số nợ phải thu, phải trả chị Đô L không tranh chấp, không yêu cầu nên không xem xét, về án phí chị Đô L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Xét thấy bị đơn anh Phạm Văn Vũ L1 có nơi cư trú trên địa bàn huyện C, tỉnh Trà Vinh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang theo quy định tại Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Xét đơn của chị Đô L khởi kiện xin ly hôn với anh L1 nên xác định quan hệ tranh chấp “Ly hôn” là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy chị Đô L và anh L1 chung sống với nhau năm 2023 có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Căn cứ vào các Điều 08 và Điều 09 Luật hôn nhân và gia đình thì hôn nhân giữa chị Đô L và anh L1 là hợp pháp.

Xét thấy quá trình chung sống giữa chị Đô L và anh L1 tuy chưa thống nhất nhau về quan điểm đời sống vợ chồng, lối sống, về cách ứng xử giao tiếp thì anh chị phải biết tự điều chỉnh hành vi của mình sao cho phù hợp với cuộc sống hiện tại, cùng nhau góp ý xây dựng, chia sẻ và tôn trọng lẫn nhau để tìm cách giải quyết mọi vấn đề một cách êm đẹp nhất nhằm bảo vệ hạnh phúc gia đình. Khi mâu thuẫn phát sinh chị Đô L và anh L1 đều bỏ mặt cho hậu quả xảy ra, không còn quan tâm đến tình nghĩa vợ chồng, anh chị luôn bất hòa với nhau về mọi mặt, từ khi ly thân tháng 7 năm 2024 cho đến nay, anh chị cũng không quan tâm đến hạnh phúc gia đình mạnh ai nấy sống làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt. Toà án hoà giải 02 lần phía anh L1 không đến, tại phiên tòa hôm nay anh L1 vắng mặt lần thứ hai không có lý do từ đó cho thấy khả năng hàn gắn đoàn tụ vợ chồng là không có kết quả.

Tại phiên tòa hôm nay chị Đô L xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị Đô L xin được ly hôn với anh L1 là có căn cứ, đúng quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu đơn khởi kiện của chị Đô L, xử cho chị Đô L và anh L1 được ly hôn với nhau.

- Về nuôi con: Chị Đô L và anh L1 không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay chị Đô L không khởi kiện, không tranh chấp, Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về số nợ phải thu, phải trả: Chị Đô L không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Chị Thạch Thị Đô L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

- Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 01 Điều 28, 35, 39, Điều 147, 227, 228, 235 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56 và Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Thạch Thị Đô L.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Thạch Thị Đô L và anh Phạm Văn Vũ L1 được ly hôn với nhau.

- Về nuôi con: Chị Đô L và anh L1 không có con chung, không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay chị Đô L không khởi kiện, không tranh chấp, Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về số nợ phải thu, phải trả: Chị Đô L không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc chị Thạch Thị Đô L có nghĩa vụ nộp 300.000 đồng, nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số: 0011261, ngày 06/9/2024 do chị Đô L nộp cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang thu. Chị Thạch Thị Đô L đã nộp đủ án phí.

- Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định tại Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Chi Cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã N,
- huyện C, tỉnh Trà Vinh;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lê Thị Tranh